

Bản Khảo sát về ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 tới người lao động Việt Nam tại Nhật Bản

Facebook ID:

Vui lòng khoanh tròn vào câu trả lời phù hợp, trừ khi có yêu cầu khác.

1.0 Thông tin cơ bản

101. tuổi

102. Giới tính:

1. Nam 2. Nữ 3. Khác..... (ghi cụ thể)

103. Tình trạng hôn nhân:

1. Độc thân 2. Kết hôn 3. Khác..... (ghi cụ thể)

104. Trình độ văn hóa (chỉ chọn một):

1. Không đi học 2. Tốt nghiệp tiểu học/trung học cơ sở
3. Tốt nghiệp trung học phổ thông 4. Tốt nghiệp đại học
5. Sau đại học 6. Khác.....(ghi cụ thể)

105. Tư cách lưu trú:

1. Du học sinh 2. Thực tập sinh 3. Đi theo gia đình 4. Vĩnh trú
5. Khác.....

106. Loại hình hợp đồng làm việc hiện tại:

1. Nhân viên toàn thời gian
2. Nhân viên bán thời gian
3. Thất nghiệp
4. Khác.....(cụ thể)

107. Bạn đang làm việc ở đâu? (Bao gồm cả làm thêm và/hoặc nhân viên chính thức)

(Nếu bạn có nhiều câu trả lời, vui lòng chọn công việc bạn đã làm lâu nhất trong vòng 3 tháng qua)

1. Nhà hàng 2. Cửa hàng tiện lợi 3. Công ty cơm hộp
4. Nhà máy 5. Khách sạn (nhân viên dọn dẹp) 6. Thất nghiệp
7. Khác.....(ghi cụ thể)

108. Tỉnh, thành đang sinh sống tại Nhật

109. Bạn đến Nhật khi nào? Tháng.....năm.....

2.0 Khả năng tiếng Nhật

201. Hãy chọn câu trả lời thích hợp với khả năng ngôn ngữ hiện tại của bạn				
1. Giao tiếp bằng tiếng Nhật	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt
2. Đọc Hiragana và Katakana	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt
3. Viết Hiragana và Katakana	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt
4. Đọc chữ Hán (Kanji)	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

5. Viết chữ Hán (Kanji)	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt
6. Đọc được sách/báo tiếng Nhật	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt
7. Viết được e-mail/thư bằng tiếng Nhật	1. Yếu	2. Bình thường	3. Khá	4. Tốt

202. Bạn có cần phiên dịch tiếng Nhật hỗ trợ khi đến trung tâm y tế/ bệnh viện không?

1. Có 2. Không

3.0 Tham gia bảo hiểm y tế tại Nhật Bản

301. Bạn có thể bảo hiểm y tế của Nhật (hokensho) không?

1. Có 2. Không

302. Bạn có trả phí bảo hiểm y tế thường xuyên không?

1. Tôi trả hàng tháng hoặc hai tháng một lần
 2. Không trả từ 3-6 tháng nay
 3. Không trả từ 6-12 tháng nay
 4. Không trả trong hơn một năm qua

303. Bạn có nghĩ rằng phí bảo hiểm y tế là đắt đối với bạn?

1. Có 2. Không

3.1. Ảnh hưởng của COVID-19 đến cuộc sống và công việc của bạn tại Nhật

311. Bạn đã từng nhiễm COVID-19 chưa?

1. Có (chuyển đến câu 311.1, 311.2, 311.3) 2. Không 3. Không rõ

311.1 Nếu có, bạn có những triệu chứng nào ?

1. Không có triệu chứng.
 2. Triệu chứng nhẹ (có sốt, nhưng không bị viêm phổi, không cần dùng máy thở hay oxy).
 3. Triệu chứng nặng (có sốt, bị viêm phổi, phải dùng máy thở và oxy).

311.2. Khi bắt đầu cảm thấy triệu chứng trên, bạn đã làm gì? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

1. Tôi đến thẳng bệnh viện, phòng khám gần nhất.
 2. Tôi tự cách ly người cùng phòng, và liên lạc với người phụ trách ở công ty để xin nghỉ phép.
 3. Tôi tự cách ly người cùng phòng, và liên lạc với người phiên dịch Việt Nam để nhờ phiên dịch khi đi khám và xét nghiệm.

4. Khác (ghi cụ thể.....)

311.3. Bạn có được điều trị không?

1. Có, tôi được xét nghiệm PCR, nhưng không nhập viện, chỉ điều trị tại nhà hoặc cơ sở cách ly do địa phương cung cấp.
 2. Có, tôi được xét nghiệm PCR và nhập viện
 3. Không
 4. Tôi không nhớ

312. Hiện tại bạn đang sống cùng ai tại Nhật?

1. Bạn bè 2. Gia đình 3. Người thân 4. Một mình 5. Khác

313. Bạn đã từng sống cùng người nhiễm COVID-19 không?

1. Có 2. Không 3. Không rõ

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

314. Bạn có bị mất việc sau khi COVID-19 bùng phát kể từ sau tháng 2/2020 không?
1. Có 2. Không
315. Tháng trước, bạn làm bao nhiêu giờ một tuần?.....giờ
316. Trong năm nay, bạn đã làm việc trung bình bao nhiêu giờ mỗi tuần?.....giờ
317. Thu nhập của bạn trong tháng trước vào khoảng:
1. Dưới 50,000 yên 2. 50,000 – 99,999 yên
3. 100,000 – 199,999 yên 4. 200,000 yên trở lên
5. Không có thu nhập định kỳ
317. Thu nhập của bạn vào cùng thời gian này năm 2019 khoảng:
1. Dưới 50,000 yên 2. 50,000 – 99,999 yên
3. 100,000 – 199,999 yên 4. 200,000 yên trở lên
5. Không có thu nhập
319. Bạn có thường xuyên gửi tiền về cho gia đình ở Việt Nam không?
1. Có 2. Không
3110. Khoản tiền gửi về cho gia đình của bạn có bị giảm do COVID-19 không?
1. Có (số tiền giảm khoảng:)
2. Không
3. Tôi chưa từng gửi tiền về cho gia đình.
3111. Kể từ khi COVID-19 bắt đầu, bạn có phải cắt giảm khẩu phần ăn hoặc bỏ bữa vì không đủ tiền mua thực phẩm?
1. Có 2. Không
3112. Bạn có nhận được Tiền trợ cấp đặc biệt (100.000 yên) từ chính phủ Nhật Bản không?
1. Có 2. Không
Nếu có, ngoài khoản này, bạn có nhận thêm các hỗ trợ tài chính khác từ nơi làm hoặc gia đình ở Việt Nam không?
1. Có (cụ thể.....) 2. Không
3113. Bạn có tìm cách trở về Việt Nam sau khi dịch COVID-19 bùng phát?
1. Có 2. Không (chuyển sang câu 401)
3114. Tại sao bạn không trở về Việt Nam?
1. Tôi không thể trở về Việt Nam do không có tiền
2. Tôi không thể trở về Việt Nam do lệnh hạn chế đi lại
3. Khác (cụ thể.....)

4.0 Mức độ sử dụng đồ uống có cồn và nhận thức về sức khỏe của bản thân

401. Trong vòng 30 ngày qua, bạn dùng rượu bia thường xuyên thế nào?
1. Hằng ngày 2. 2-3 lần trong tuần 3. Ít nhất 1 lần trong tuần
4. Ít hơn 1 lần trong tuần 5. Không uống
406. Tình trạng sức khỏe hiện tại của bạn như thế nào?
1. Rất tốt 2. Tốt 3. Khá
4. Bình thường 5. Yếu
407. Trong 3 tháng qua tại Nhật, bạn có từng mắc bệnh hoặc có vấn đề sức khỏe?
1. Có 2. Không (chuyển sang câu 501)
408. Trong 3 tháng qua tại Nhật, bạn đã từng đến gặp bác sĩ/nhân viên y tế để được tư vấn y tế chưa?
1. Có 2. Không

5.0 Thông tin về hành vi tình dục trong 3 tháng vừa qua tại Nhật

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

501. Bạn có quan hệ tình dục (bao gồm quan hệ qua đường âm đạo và/hoặc qua đường hậu môn) trong 3 tháng vừa qua không? (Nếu trả lời “Không”, chuyển đến **câu hỏi 5111**)

1. Có 2. Không

502. Bạn đã quan hệ tình dục với bao nhiêu người trong 3 tháng vừa qua?
.....(số người)

503. Tần suất sử dụng bao cao su của bạn với (các) bạn tình trong vòng 3 tháng vừa qua:

1. Luôn luôn 2. Hầu hết các lần 3. Thỉnh thoảng
4. Hiếm khi 5. Không bao giờ

504. Bạn có quan hệ tình dục với người bán dâm trong vòng 3 tháng vừa qua không?
(Nếu trả lời “Không”, chuyển sang **câu hỏi 506**)

1. Có 2. Không

505. Bạn sử dụng bao cao su khi quan hệ với người bán dâm trong vòng 3 tháng vừa qua không?

1. Luôn luôn 2. Hầu hết các lần 3. Thỉnh thoảng
4. Hiếm khi 5. Không bao giờ

506. (**Chỉ dành cho nam**) Anh có quan hệ tình dục qua đường hậu môn với người nam khác trong 3 tháng vừa qua không? (Nếu trả lời “Không”, đến thẳng **câu hỏi 508**)

1. Có 2. Không

507. (**Chỉ dành cho nam**) Tần suất sử dụng bao cao su của anh khi quan hệ tình dục qua đường hậu môn với người nam khác trong 3 tháng vừa qua:

1. Luôn luôn 2. Hầu hết các lần 3. Thỉnh thoảng
4. Hiếm khi 5. Không bao giờ

508. Bạn có mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục (STD) trong 3 tháng vừa qua không?

1. Có 2. Không

508-1. Bạn mắc loại bệnh lây truyền qua đường tình dục nào trong 3 tháng vừa qua? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

1. Giang mai 2. Lậu 3. Nấm Candida
4. Khác (cụ thể.....)

6.0 Nhận thức về nguy cơ nhiễm HIV

Số tt	Câu hỏi	Trả lời
601	Bạn cảm thấy thế nào về nguy cơ nhiễm HIV của bản thân mình?	Rất thấp.....1 Khá thấp.....2 Có khả năng.....3 Khá cao.....4 Rất cao.....5
602	Tôi lo lắng về việc nhiễm HIV	Hoàn toàn không.....1 Hiếm khi.....2 Đôi khi.....3 Thỉnh thoảng.....4 Thường xuyên.....5 Luôn luôn.....6
603	Việc tưởng tượng bản thân bạn nhiễm HIV là	Rất khó.....1 Khó.....2 Dễ.....3 Rất dễ.....4

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

604	Tôi chắc chắn rằng tôi sẽ KHÔNG nhiễm HIV	Hoàn toàn không đồng ý.....1 Không đồng ý.....2 Không đồng ý một phần.....3 Đồng ý một phần.....4 Đồng ý5 Hoàn toàn đồng ý.....6
605	Tôi cảm thấy dễ bị lây nhiễm HIV	Hoàn toàn không đồng ý.....1 Không đồng ý.....2 Không đồng ý một phần.....3 Đồng ý một phần.....4 Đồng ý5 Hoàn toàn đồng ý.....6
606	Mặc dù rất thấp nhưng tôi nghĩ tôi có khả năng bị nhiễm HIV	Hoàn toàn không đồng ý.....1 Không đồng ý.....2 Không đồng ý một phần.....3 Đồng ý một phần.....4 Đồng ý5 Hoàn toàn đồng ý.....6
607	Tôi nghĩ khả năng bị nhiễm HIV của mình là	Hoàn toàn không thể.....1 Hầu như không thể.....2 Rất ít.....3 Có khả năng.....4 Có khả năng cao.....5 Hoàn toàn có thể.....6
608	Nhiễm HIV là việc	Chưa bao giờ nghĩ đến.....1 Ít khi nghĩ đến.....2 Thi thoảng nghĩ đến.....3 Thường nghĩ đến.....4

7.0 Việc tiếp cận với các dịch vụ xét nghiệm HIV

701. Bạn có cho rằng có thể dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ xét nghiệm HIV tại Nhật Bản?

1. Có 2. Không

702. Bạn có biết nơi đến xét nghiệm HIV tại Nhật Bản?

1. Có (ở đâu?.....) 2. Không

703. Chúng tôi không muốn biết kết quả xét nghiệm HIV của bạn, nhưng bạn đã từng xét nghiệm HIV trong 3 tháng sống tại Nhật vừa qua chưa?

1. Có (chuyển sang câu 703-1). 2. Không (chuyển sang câu 703-2)

703-1. (a) Tại sao bạn đi xét nghiệm HIV? Hãy chọn **một** lý do quan trọng nhất dưới đây.

1. Bạn bè khuyến khích tôi 2. Gia đình khuyến khích tôi
3. Bác sĩ khuyên tôi làm 4. Tôi nghĩ mình có khả năng nhiễm HIV
5. Khác (cụ thể.....)

(b) Bạn xét nghiệm HIV ở đâu?

1. Bệnh viện 2. Trung tâm y tế 3. Phòng khám 4. Khác

703-2. Tại sao bạn không đi xét nghiệm HIV? Hãy chọn **một** lý do quan trọng nhất dưới đây.

1. Tôi không nhiễm (khả năng lây nhiễm thấp)
2. Tôi không biết khám ở đâu

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

3. Phí khám đất
 4. Không có cơ sở khám nào gần nhà
 5. Lo ngại người xung quanh kì thị vì đi khám HIV
 6. Khác (cụ thể.....)
704. Bạn có biết về dịch vụ xét nghiệm HIV miễn phí và được giấu tên tại Nhật Bản không?
1. Có
 2. Không
705. Bạn quan tâm đến việc đi xét nghiệm HIV trong tương lai ở mức độ nào?
1. Hoàn toàn không quan tâm
 2. Không quan tâm lắm
 3. Không rõ quan tâm hay không
 4. Hơi quan tâm
 5. Rất quan tâm
706. Điều gì là quan trọng nhất đối với bạn trong việc tiếp cận dịch vụ xét nghiệm? (Chỉ chọn một câu trả lời)
1. Miễn phí
 2. Có phiên dịch/ hỗ trợ ngôn ngữ
 3. Dễ dàng đến được từ ga
 4. Bảo mật thông tin cá nhân nghiêm ngặt
 5. Xét nghiệm vào cuối tuần
 6. Xét nghiệm vào buổi tối
 7. Khác
707. Bạn có nghĩ rằng ở Nhật Bản, hầu hết mọi người đều có thể đăng ký để nhận trợ cấp phí điều trị HIV, nếu bạn có thì thực đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế toàn dân?
1. Có
 2. Không
 3. Không biết
708. Bạn có nghĩ rằng bạn sẽ không được phép lưu trú hợp pháp tại Nhật Bản nếu phát hiện dương tính với HIV?
1. Có
 2. Không
 3. Không biết
709. Chúng tôi không muốn biết kết quả nhưng bạn đã từng xét nghiệm HIV ở Việt Nam chưa?
1. Có
 2. Không
 3. Không biết

7.1. Ảnh hưởng của COVID-19 đến việc tiếp cận dịch vụ điều trị y tế và xét nghiệm HIV

711. Bạn nhận được thông tin về COVID-19 từ nguồn nào?
1. Chính phủ Nhật Bản
 2. Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản
 3. Cộng đồng/mạng lưới người Việt
 4. Gia đình/bạn bè ở Việt Nam
 5. Khác
712. Bạn có cảm thấy mình có thể dễ dàng tiếp cận dịch vụ điều trị y tế trong đại dịch COVID-19 không?
1. Có, tôi có thể tiếp cận dễ dàng
 2. Có, tôi có thể tiếp cận nhưng nó phức tạp
 3. Không, tôi không thể tiếp cận
713. Bạn tiếp cận dịch vụ điều trị y tế trong đại dịch COVID-19 bằng cách nào?
1. Tiếp cận trực tiếp
 2. Tiếp cận qua khám bệnh từ xa
 3. Khác.....

8.0 Cảm giác buồn/ phiền muộn

	Bên dưới là danh sách những việc bạn có thể đã có hoặc cảm nhận.	Hãy chỉ ra số lần bạn cảm thấy như vậy trong tuần vừa qua . Vui lòng trả lời tất cả các mục.
--	--	---

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

	Hiếm khi hoặc không bao giờ (ít hơn 1 ngày): 0 Đôi khi hoặc một chút thời gian (1-2 ngày): 1 Thường hoặc một khoản thời gian vừa phải: 2 Tất cả thời gian (5-7 ngày): 3				
1	Tôi lo lắng vô cớ về những việc bình thường.	0	1	2	3
2	Tôi không muốn ăn; khẩu vị tôi không được tốt.	0	1	2	3
3	Tôi cảm thấy không thể rũ bỏ nỗi buồn thậm chí với sự giúp đỡ của gia đình.	0	1	2	3
4	Tôi cảm thấy mình cũng tốt như những người khác.	0	1	2	3
5	Tôi khó tập trung trong công việc mình đang làm.	0	1	2	3
6	Tôi cảm thấy buồn rầu, chán nản.	0	1	2	3
7	Tôi cảm thấy tất cả điều tôi làm đều là nỗ lực.	0	1	2	3
8	Tôi cảm thấy tương lai đầy hy vọng.	0	1	2	3
9	Tôi nghĩ cuộc đời mình là một thất bại.	0	1	2	3
10	Tôi cảm thấy sợ hãi.	0	1	2	3
11	Tôi ngủ không yên.	0	1	2	3
12	Tôi đã hạnh phúc.	0	1	2	3
13	Tôi nói ít hơn bình thường.	0	1	2	3
14	Tôi cảm thấy cô đơn.	0	1	2	3
15	Tôi cảm thấy người xung quanh không thân thiện.	0	1	2	3
16	Tôi tận hưởng cuộc sống.	0	1	2	3
17	Tôi đã khóc lóc.	0	1	2	3
18	Tôi cảm thấy buồn.	0	1	2	3
19	Tôi cảm thấy mọi người không thích tôi.	0	1	2	3
20	Tôi không thể bắt đầu làm việc gì.	0	1	2	3

9.0 Hỗ trợ xã hội (MSPSS)

Multidimensional Scale of Perceived Social Support

	Chúng tôi muốn biết cảm nhận của bạn về các câu sau. Hãy đọc kỹ từng câu. Chỉ ra cảm xúc của bạn về từng câu này	Hoàn toàn không đồng ý	Rất không đồng ý	Khá không đồng ý	Trung lập	Khá đồng ý	Rất đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Có một người đặc biệt có thể ở bên lúc tôi cần.	1	2	3	4	5	6	7
2	Có một người đặc biệt mà tôi có thể chia sẻ những niềm vui và nỗi	1	2	3	4	5	6	7

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

	buồn (có thể ở cùng thành phố hay từ xa).							
3	Gia đình rất cố gắng giúp đỡ tôi.	1	2	3	4	5	6	7
4	Tôi có được sự giúp đỡ và hỗ trợ về mặt cảm xúc từ gia đình.	1	2	3	4	5	6	7
5	Tôi có một người đặc biệt là nguồn an ủi thật sự với tôi.	1	2	3	4	5	6	7
6	Các bạn của tôi rất cố gắng giúp đỡ tôi.	1	2	3	4	5	6	7
7	Tôi có thể tin tưởng vào bạn bè khi mọi việc không như mong muốn.	1	2	3	4	5	6	7
8	Tôi có thể nói về các vấn đề của mình với gia đình.	1	2	3	4	5	6	7
9	Tôi có những người bạn có thể chia sẻ những niềm vui và nỗi buồn.	1	2	3	4	5	6	7
10	Có một người đặc biệt trong cuộc đời tôi quan tâm đến những cảm xúc của tôi.	1	2	3	4	5	6	7
11	Gia đình tôi sẵn sàng giúp tôi trong các lựa chọn.	1	2	3	4	5	6	7
12	Tôi có thể nói về các vấn đề của mình với những người bạn.	1	2	3	4	5	6	7

10.0 Khảo sát chất lượng cuộc sống liên quan đến sức khỏe: WHO- BREF HRQOL -26

Suy nghĩ về việc bạn đã cảm thấy như thế nào về những tiêu chuẩn, hi vọng, niềm vui và nỗi lo lắng của bản thân trong hai tuần vừa qua. Hãy chọn câu trả lời thích hợp nhất. Trong mỗi câu hỏi, đánh giá cảm xúc của bản thân và chọn số phù hợp nhất với câu trả lời của bạn.

	Rất tệ	Tệ	Không tệ cũng không tốt	Tốt	Rất tốt
1. Bạn đánh giá chất lượng cuộc sống của mình như thế nào?	1	2	3	4	5
	Rất bất mãn	Bất mãn	Không bất mãn	Hài lòng	Rất hài lòng

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

			cũng không hài lòng		
2. Bạn hài lòng với sức khỏe của mình không?	1	2	3	4	5

Các câu hỏi sau liên quan đến trải nghiệm của bạn trong hai tuần vừa qua.	Hoàn toàn không	Một ít	Kha khá	Rất nhiều
3. Ở mức độ nào bạn cảm thấy nỗi đau thể xác (đau người, mệt mỏi kéo dài) ngăn cản bạn làm những việc bạn cần làm?	1	2	3	4
4. Bạn nghĩ mình cần điều trị y tế để có thể hoạt động bình thường mỗi ngày không?	1	2	3	4
5. Bạn tận hưởng cuộc sống của mình thế nào?	1	2	3	4
6. Bạn cảm thấy cuộc sống của mình ý nghĩa đến mức độ nào?	1	2	3	4
7. Bạn có thể tập trung tốt đến mức nào?	1	2	3	4
8. Bạn cảm thấy an toàn như thế nào mỗi ngày?	1	2	3	4
9. Môi trường sống của bạn khỏe đến mức nào?	1	2	3	4

Các câu hỏi sau liên quan đến việc bạn hoàn toàn trải nghiệm như thế nào hoặc đã có thể làm được gì trong hai tuần vừa qua	Hoàn toàn không	Một ít	Kha khá	Hầu như có	Hoàn toàn có
10. Bạn có đủ năng lượng mỗi ngày không?	1	2	3	4	5
11. Bạn có thể chấp nhận ngoại hình của mình không?	1	2	3	4	5
12. Bạn có đủ tiền để đáp ứng các nhu cầu của mình không?	1	2	3	4	5
13. Bạn có thể có các thông tin bạn cần cho cuộc sống hằng ngày không?	1	2	3	4	5
14. Bạn có cơ hội cho các hoạt động giải trí đến mức độ nào?	1	2	3	4	5
15. Khả năng giải quyết các	1	2	3	4	5

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

vấn đề của bản thân bạn như thế nào?					
--------------------------------------	--	--	--	--	--

Các câu hỏi sau liên quan đến độ tốt và hài lòng về các khía cạnh khác nhau mà bạn cảm thấy trong hai tuần vừa qua .	Rất bất mãn	Bất mãn	Không bất mãn cũng không hài lòng	Hài lòng	Rất hài lòng
16. Bạn hài lòng như thế nào về giấc ngủ của mình?	1	2	3	4	5
17. Bạn hài lòng như thế nào về khả năng thực hiện các hoạt động sống thường ngày của bạn?	1	2	3	4	5
18. Bạn hài lòng như thế nào về năng lực làm việc của bạn?	1	2	3	4	5
19. Bạn hài lòng như thế nào về bản thân?	1	2	3	4	5
20. Bạn hài lòng như thế nào về mối quan hệ cá nhân của mình?	1	2	3	4	5
21. Bạn hài lòng như thế nào về đời sống tinh dục của mình?	1	2	3	4	5
22. Bạn hài lòng như thế nào về sự hỗ trợ từ bạn bè?	1	2	3	4	5
23. Bạn hài lòng như thế nào về điều kiện sống của mình?	1	2	3	4	5
24. Bạn hài lòng như thế nào về việc tiếp cận các dịch vụ y tế?	1	2	3	4	5
25. Bạn hài lòng như thế nào về phương tiện đi lại của mình?	1	2	3	4	5
	Không bao giờ	Hiếm khi	Thường thường	Rất thường	Luôn luôn
26. Tần suất mà bạn thường có những suy nghĩ tiêu cực như buồn bã, tuyệt vọng, bần khoản, phiền muộn	1	2	3	4	5

資料 10 質問票 (新型コロナウイルス感染症の影響 ベトナム語)

(Chỉ dành cho Thực tập sinh kỹ năng) Sau cuộc khảo sát này, chúng tôi muốn mời bạn tham gia vào phỏng vấn gia đình và người thân của bạn ở Việt Nam, để tìm hiểu thêm những suy nghĩ và lo lắng của gia đình về ảnh hưởng của COVID-19 tới tình trạng kinh tế và sức khỏe của bạn. Chúng tôi hy vọng có thể sử dụng thông tin từ nghiên cứu này để tìm ra những cách hỗ trợ hiệu quả cho người lao động nước ngoài tại Nhật, đặc biệt khi COVID-19 có thể kéo dài trong thời gian tới, và cải thiện dịch vụ y tế cho người nước ngoài tại Nhật Bản. Bạn có vui lòng tham gia nghiên cứu này không?

1. Có
2. Không

XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN